

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3- 2024

"V/v không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Bảy

Bà Nguyễn Thị Non

Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Số 199, ấp 4, xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn U, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Số 199, ấp 4, xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn là bà Lê Thị M trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà với ông Trần Văn U sống chung vào năm 1996, có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong vấn đề tình cảm vợ chồng thì bà có sai với ông U, bà có nhiều lần xin ông U cho cơ hội để sửa đổi nhưng ông U không tha thứ, thời gian lâu dần giữa tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay nhận thấy đời sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Trần Văn U.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Trần Quốc Khang, sinh năm 1998 và Trần Thị Như Huỳnh, sinh ngày 19/02/2006. Hiện Quốc Khang, Như Huỳnh đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại lời khai trong biên bản hòa giải, bản tự khai cùng ngày 19/3/2024, được bổ sung tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn U trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian sống chung và không có đăng ký kết hôn như bà M trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống giữa vợ chồng bà M không chung thủy, có mối quan hệ tình cảm với người khác. Ông đã nhiều lần cho cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà M không thay đổi. Nay bà M yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Trần Quốc Khang sinh năm 1998 và Trần Thị Như Huỳnh, sinh ngày 19/02/2006. Hiện Quốc Khang, Như Huỳnh đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Trần Văn U cùng thống nhất xác định ông, bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vậy nên mặc dù bà M và ông U đều xác định trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cả hai đều thống nhất thuận tình ly hôn nhưng vì hôn nhân của ông, bà vi phạm về mặt hình thức là không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ theo quy định tại Điều 14 và 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị M với ông Trần Văn U là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà M và ông U xác định có hai con chung tên Trần Quốc Khang, sinh năm 1998 và Trần Thị Như Huỳnh, sinh ngày 19/02/2006. Hiện Quốc Khang, Như Huỳnh đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà M và ông U xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà M và ông U xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình, bà M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị M và ông Trần Văn U là vợ chồng.

2/ Về con chung: Bà M và ông U xác định có hai con chung tên Trần Quốc Khang, sinh năm 1998 và Trần Thị Như Huỳnh, sinh ngày 19/02/2006. Hiện Quốc Khang, Như Huỳnh đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000đồng. Ngày 23/01/2024 bà M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng theo lai thu số 0007989 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà M, ông U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Nhiêu

